

XÍ NGHIỆP KINH DOANH NƯỚC SẠCH HOÀN KIỂM

Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	6 - 19
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.	10 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Xí nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

XÍ NGHIỆP KINH DOANH NƯỚC SẠCH HOÀN KIẾM

Xí nghiệp Kinh Doanh Nước Sạch Hoàn Kiếm (sau đây gọi tắt là “Xí nghiệp”) được thành lập theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 10/06/2008 của thành phố Hà Nội. Xí nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104003491 ngày 10/06/2008.

Ngành nghề kinh doanh của Xí nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Khai thác, sản xuất, phân phối, kinh doanh nước sạch cho các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, công nghệ thuộc ngành nước;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, thẩm định, giám sát, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp nước, thoát nước và các công trình phụ trợ theo chứng chỉ hành nghề được cấp;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà ở để bán và cho thuê;
- Kinh doanh vui chơi giải trí, trông giữ ô tô xe máy (trừ các loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm).

Trụ sở của Xí nghiệp tại số 8C Đinh Công Tráng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông : Nguyễn Đình Tiến Giám đốc
Bà : Phạm Văn Khánh Phụ trách kế toán

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Xí nghiệp.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kế toán, Kiểm toán Việt Nam (VNAA) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Xí nghiệp.



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Xí nghiệp trong năm.

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Xí nghiệp cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Xí nghiệp sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Xí nghiệp đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Xí nghiệp, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Xí nghiệp và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Xí nghiệp cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Xí nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2015

TM. BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐÌNH TIẾN



Số : 43 BCKT/TC/VNAA/2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàn Kiếm

Báo cáo tài chính năm 2014

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàn Kiếm được lập ngày 24 tháng 02 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày từ trang 6 đến trang 19 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàn Kiếm chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Xí nghiệp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính năm 2014 của Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàn Kiếm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Xí nghiệp liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Xí nghiệp. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kỳ kế toán năm 2014 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Xí nghiệp KDNS Hoàn Kiếm, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Hoàng Thị Hồng Hạnh".

PHẠM THỊ HOẠT

Giám đốc

GCNĐKHNKT số: 0503-2013-150-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VIỆT NAM (VNAA)

Hà Nội ngày 24 tháng 02 năm 2015

HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH

Kiểm toán viên

GCNĐKHNKT số: 0905-2013-150-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2		3	4
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		29.836.751.890	17.614.702.769
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.266.106.867	9.546.499.719
1. Tiền	111	V.1	10.266.106.867	9.546.499.719
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		18.036.135.578	5.599.311.319
1. Phải thu của khách hàng	131		192.468.608	327.317.744
3. Phải thu nội bộ	133		17.467.691.770	5.199.202.335
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	375.975.200	72.791.240
IV. Hàng tồn kho	140		1.492.497.107	2.113.627.011
1. Hàng tồn kho	141	V.3	1.492.497.107	2.113.627.011
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.012.338	355.264.720
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.012.338	106.387.427
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	248.877.293
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		67.849.584.029	15.130.719.451
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		60.005.521.828	10.779.252.806
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	60.005.521.828	10.779.252.806
- Nguyên giá	222		148.703.893.670	58.789.692.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.698.371.842)	(48.010.439.195)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.844.062.201	4.351.466.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	7.844.062.201	4.351.466.645
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		97.686.335.919	32.745.422.220



Đơn vị: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2		3	4
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		18.876.732.158	11.760.609.381
I. Nợ ngắn hạn	310		18.876.732.158	11.760.609.381
2. Phải trả người bán	312		69.816.400	94.953.895
3. Người mua trả tiền trước	313		212.213.806	148.983.809
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	-
5. Phải trả người lao động	315		1.209.804.104	3.508.902.230
6. Chi phí phải trả	316	V.6	86.863.265	246.607.514
7. Phải trả nội bộ	317		15.495.291.959	7.677.180.928
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.7	1.802.742.624	83.981.005
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		78.809.603.761	20.984.812.839
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.8	78.809.603.761	20.984.812.839
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		64.007.822.251	13.951.140.761
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		14.801.781.510	7.033.672.078
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 330 + 400)	440		97.686.335.919	32.745.422.220

0102
 C
 TRÁCH
 KẾ TO
 V
 THANH

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại - USD			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Ngày 24 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Phạm Văn Khánh



Nguyễn Đình Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính 2014

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2		3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.9	120.516.130.555	91.125.854.260
2. Các khoản giảm trừ	2		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		120.516.130.555	91.125.854.260
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.10	83.541.947.988	71.424.622.516
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (12 = 10 - 11)	20		36.974.182.567	19.701.231.744
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		-	-
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		15.370.238.284	15.738.239.093
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.527.599.957	3.082.994.173
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		17.076.344.326	879.998.478
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.076.344.326	879.998.478
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		17.076.344.326	879.998.478
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Ngày 24 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Phạm Văn Khánh



Nguyễn Đình Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Cho năm tài chính 2014

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2		3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		129.645.081.083	122.513.525.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(10.651.213.757)	(104.102.827.944)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.998.714.380)	(12.123.758.593)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		40.787.032.387	3.243.820.410
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(145.062.578.101)	(5.266.723.644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			719.607.232	4.264.035.229
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	153.155.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	153.155.790
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		(84)	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	(2.992.675.666)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(84)	(2.992.675.666)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		719.607.148	1.424.515.353
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.546.499.719	8.121.984.366
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		10.266.106.867	9.546.499.719

11-01
T.Y
HỮU HẠI
M TỐI
AM
TP. HN

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Ngày 24 tháng 02 năm 2015

Giám đốc

Phạm Văn Khánh



Nguyễn Đình Tiến

